

“Việt Nam, Việt Nam”, giấc mơ rạn vỡ
Lê Hữu

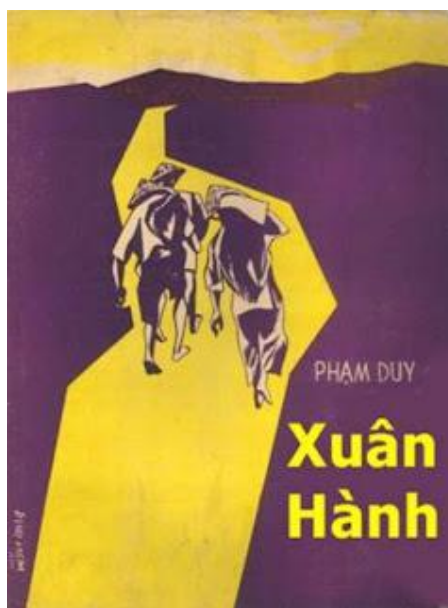


Tôi nhớ, trong một lần được nhạc sĩ Phạm Duy chia sẻ tin vui có thêm ít ca khúc của ông vừa được cấp phép phổ biến ở trong nước, tôi nói rằng có một bài tôi thực sự mong cho ông, hơn bất cứ bài nào khác, được phép lưu hành.

“Bài gì?” ông hỏi.

“Việt Nam, Việt Nam,” tôi nói.

Ông im lặng. Tôi nói thêm là tôi chờ cái ngày bài hát ấy được hát vang vang trên khắp mọi miền đất nước, hát vang vang trong màn kết thúc một chương trình nhạc Phạm Duy. Ông im lặng. Tôi gửi ông nghe/xem cho vui ít màn trình diễn bài hát ấy ở nước ngoài trước và sau ngày ông về nước. Ông im lặng. Tôi nghĩ mình hiểu được sự im lặng ấy, và không nhắc tên bài hát ấy nữa.



Vì sao bài hát ấy, bài “Việt Nam, Việt Nam”, vẫn chưa được cấp phép? Có gì lấn cấn chẳng? Có “vấn đề” gì chẳng?

Bài hát có những lời lẽ khơi dậy lòng nhân ái, tình yêu thương đồng loại và những giá trị phổ quát của các quyền làm người trong một đất nước tự do dân chủ.

*Việt Nam đem vào sông núi
Tự Do, Công Bình, Bác Ái muôn đời
Việt Nam không đòi xương máu
Việt Nam kêu gọi thương nhau
Việt Nam đi xây đắp yên vui dài lâu...*

*Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho đời
Tình Yêu đây là khí giới
Tình Thương đem về muôn nơi
Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình người...*

Những lời lẽ ấy là không phù hợp chẳng?

Bài hát có nhịp điệu khỏe khoắn, tiết tấu mạnh mẽ, nghe phấn chấn, thúc giục tựa những bước chân hăm hở xốc tới, rất thích hợp để hát hợp ca, đồng ca trong những cuộc họp mặt, những sinh hoạt văn hóa văn nghệ hay xuống đường, tuần hành.

Nhạc điệu ấy là không thích hợp chẳng?

Bài hát có nhạc điệu trang nghiêm, hùng tráng với lời ca khơi dậy tinh thần yêu nước, mang tính cách của một bài quốc ca. Nhiều người vẫn nhớ rằng “Việt Nam, Việt Nam” từng hơn một lần được đề nghị làm bài quốc ca Việt Nam Cộng Hòa (thay cho bài “Tiếng gọi công dân” của Lưu Hữu Phước, một nhạc sĩ miền Bắc). Bài hát “Việt Nam, Việt Nam” vì thế, rất “gần” với bài quốc ca của miền Nam ngày trước.

Những điểm ấy là “nhạy cảm” nên bài hát không được phép sử dụng chẳng?

Liệu còn có những lý do nào khác? Hoặc, chẳng có lý do nào cả. Chưa duyệt, chưa cấp phép là vì chưa duyệt, chưa cấp phép, thế thôi.

“Việt Nam, Việt Nam” là một “chung khúc” (cách gọi của nhạc sĩ Phạm Duy), là một kết thúc có hậu cho bản trường ca “Mẹ Việt Nam” (1964) của Phạm Duy. Là chung khúc nhưng “Việt Nam, Việt Nam” vẫn thường được trình diễn như một bài hát được tách rời, độc lập. Chung khúc ấy thể hiện những ước mơ, khát vọng của người dân Việt cho một vận hội mới về trên quê hương, cho đất nước yên bình, cho không còn những cách chia, cho người biết thương người.

Sau ngày nhạc sĩ Phạm Duy qua đời, một bài báo ở trong nước (Thanh Niên, 30/1/2013) có tựa là “Nhạc sĩ Phạm Duy: Tâm nguyện cuối đời” cho phổ biến một lá thư của ông (không đề ngày) gửi đến “giới chức có thẩm quyền” xin cấp phép phổ biến ca khúc “Việt Nam, Việt Nam”. Thư có đoạn:

“Tôi nghĩ rằng tôi có quyền nuôi một nguyện vọng đóng góp vào sinh hoạt âm nhạc trong nước bằng một ca khúc có tính chất xung tưng nước ta nhan đề ‘Việt Nam, Việt

Nam' sáng tác từ 1960, rút trong trường ca 'Mẹ Việt Nam', là một tổ khúc kêu gọi sự đoàn kết dân tộc dưới bóng Mẹ Tổ Quốc thiêng liêng và độ lượng. Sau đây là ca khúc đó (lời ca bài 'Việt Nam, Việt Nam'). Tôi mong có ngày ca khúc này được phép phổ biến." (thư kèm một CD gồm hai bài hợp ca "Việt Nam, Việt Nam").

Một lá thư khác, cũng theo bài báo ấy, dài đến gần mười trang của Giáo sư Trần Văn Khê (6/2012), người bạn cố tri của nhạc sĩ Phạm Duy, nội dung đề nghị cấp phép phổ biến hai trường ca của Phạm Duy là "Con đường cái quan" và "Mẹ Việt Nam" (kết thúc bằng chung khúc "Việt Nam, Việt Nam"). Thư có đoạn:

"Tâm nguyện của Phạm Duy đối với quê hương là một tâm nguyện trọn vẹn... Tôi ước mong chính phủ, Bộ Văn Hóa xem xét đến trường hợp hai tác phẩm trường ca của Phạm Duy để giúp cho hai tác phẩm rất sâu sắc, nhân văn này được phổ biến đến đại chúng toàn quốc, giúp cho tư tưởng rất đẹp trong lời nhạc, lời ca đi sâu vào lòng người dân... Với hai trường ca này, Duy đã nói về một Việt Nam hoàn toàn chung nhất, vẽ nên một bức tranh Việt Nam đầy đủ địa lý tới văn hóa, từ chiều dài lịch sử đến bề sâu tâm hồn, từ tư tưởng triết lý đến quan niệm nhân sinh... để thấy rằng Việt Nam đẹp đến nhường nào, từ trong nội tại tâm hồn đến cảnh vật bên ngoài, luôn lấp lánh cái bóng dáng hòa bình, yêu thương, nhân ái, người vì người, sống chết cho nhau."

Cả hai lá thư với lời lẽ thiết tha, tâm huyết ấy đều "thư đi" mà không có "tin lại".

Mỗi năm lại có thêm một vài đợt duyệt xét, lại có thêm một ít ca khúc của Phạm Duy được cấp phép phổ biến (gồm cả những bài một thời được xem là "dị ứng" với nhà cầm quyền trong nước, như "Bên cầu biên giới", "Mùa thu chết", "Tìm nhau"...). Không có bài "Việt Nam, Việt Nam". Đợt cấp phép mới nhất, mười ngày trước khi người nhạc sĩ qua đời, có thêm tám ca khúc của Phạm Duy được cho phép lưu hành trên cả nước. Vẫn không có bài "Việt Nam, Việt Nam". Bài hát vẫn biệt vô âm tín. Người nhạc sĩ già vẫn tiếp tục chờ đợi, chờ đợi trên giường bệnh. Nỗi đợi chờ trong câm lặng, trong khắc khoải, mỗi mòn, như người ngồi đợi hoài những giấc mơ không bao giờ đến.

"Việt Nam, Việt Nam", bài hát ấy hoặc được duyệt rất sớm, hoặc rất muộn, hoặc chẳng bao giờ, vì không thích hợp, vì khá "nhạy cảm"; hoặc hơn thế nữa, vì khá "dị ứng", như cách nói ở trong nước.

* * *

Ít hôm sau ngày nhạc sĩ Phạm Duy mất, ở Mỹ người ta tổ chức một đêm nhạc để tưởng nhớ ông.

"Nếu ông ở đây thì tối nay tôi rủ ông đi nghe nhạc," người bạn ở Nam Cali gọi cho tôi. "Một chương trình nhạc đặc biệt, chỉ phổ biến trong thân hữu."

"Nghe nhạc Phạm Duy phải không?" tôi hỏi.

"Sao biết?" người bạn hỏi lại.

“Nhạc Phạm Duy thì người ta vẫn hát vẫn nghe dài dài từ bao nhiêu năm nay,” tôi nói, “chứ đâu phải đợi đến lúc ông ấy nằm xuống mới rủ nhau đi nghe.”

Tôi không rõ những “thân hữu” trong đêm nhạc ấy gồm những ai ai, và vì sao lại “chỉ phổ biến trong thân hữu”. Theo lời người bạn kể, một “tiết mục” khá ấn tượng trong đêm Phạm Duy, Ngàn Lời Ca ấy: Kết thúc chương trình, không ai bảo ai tất cả mọi người đều cùng đứng dậy và cùng cất cao tiếng hát bài “Việt Nam, Việt Nam”.

“Cảm động nhất là màn cuối ấy,” người bạn nói.

Vì sao lại “cảm động”? Phải chăng vì những cảm xúc rung rung pha trộn: vì cảm thương cho con người nghệ sĩ lấm tày hoa mà cũng nhiều nghiệt ngã, cho đến những năm tháng cuối đời vẫn cứ nuôi mãi một “giấc mộng dài”. Hoặc vì cảm thương cho thân phận đất nước, dân tộc mình, cho những kiếp người nổi trôi, những số phận lênh đênh không bờ không bến. Hoặc vì bài hát gợi nhớ về những năm tháng nào xa xăm, những năm tháng tươi đẹp nhất của một thời tuổi trẻ với ước mơ trong veo về một ngày hòa bình trên quê hương đổi mới.

Người nhạc sĩ già đã nhắm mắt xuôi tay, “người tình già” đã đi về đầu non. “Việt Nam, Việt Nam”, bài hát ấy, tiếng hát ấy, đã như một giấc mơ rạn vỡ.

Một trùng hợp ngẫu nhiên, ít hôm sau đó, vào những phút cuối của đám táng người nhạc sĩ, trong lúc người người đứng vây quanh huyệt mộ, trong lúc những nắm đất, những bông hoa đủ sắc màu lần lượt thả xuống nắp áo quan, một tiếng nói bỗng cất lên, “Chúng ta hãy cùng hát bài Việt Nam, Việt Nam.” Rồi một giọng hát cất lên, Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời... Rồi những giọng hát khác cất lên, cất lên, hòa quyện vào nhau. Những câu hát bật ra, bài hát bật ra, càng lúc càng lớn, trong lúc những nắm đất, những nhánh hoa vẫn không ngừng thả xuống nắp áo quan... Người ta đã chọn bài hát ấy để nói lời chia tay với người nhạc sĩ.

Việt Nam, hai câu nói trên vành môi...

Việt Nam, hai câu nói sau cùng khi lìa đời...

Vẫn là những câu hát ấy:

Tình Yêu, đây là khí giới

Tình thương đem về muôn nơi

Việt Nam, đây tiếng nói đi xây tình người

Ở ngoài nước, kết thúc đêm nhạc tưởng niệm người nhạc sĩ, người ta cùng hát với nhau bài “Việt Nam, Việt Nam”. Ở trong nước, kết thúc đám táng người nhạc sĩ, người ta cùng hát với nhau bài “Việt Nam, Việt Nam”.

Đoàn người cất cao tiếng hát bài “Việt Nam, Việt Nam” trong nghĩa trang mông mênh ấy là những ai? Nhiều phần là những người lớn tuổi, những người từng sống ở miền Nam trước năm 1975. Những người trẻ tuổi, một số đã không hát theo được vì không thuộc hay không biết bài hát ấy.

Một bà cụ tóc trắng nêu thắc mắc, “Sao không in ra thành nhiều bản phát ra cho mọi người để cùng hát với nhau cho có khí thế hơn?!” (Bà cụ không rõ bài hát chưa được nhà nước... cho phép hát).

Vài người quay sang hỏi nhau, “Tại sao một bài hát có ý nghĩa như thế lại không được nhà nước cấp phép?”

Những câu hỏi không có câu trả lời.

Khác với tác giả bài hát, người ta không phải đợi “nhà nước” duyệt hay cấp phép. Hàng ngàn người đồng hành với ông trong ngày Chủ Nhật Buồn ấy đã “duyet” cho ông bài hát ấy. Hoặc, nói như cách nói ở trong nước, “một bộ phận quần chúng nhân dân” đã cấp phép cho bài hát ấy; hơn thế nữa, đã “biểu diễn” bài hát ấy như một dàn đồng ca tự phát.

Bài hát, lần đầu tiên được cất lên kể từ ngày ông về nước. Phải đợi đến lúc hạ huyết, đến lúc xác thân ông được gửi vào lòng đất mẹ thì bài hát ấy mới cất lên. Cũng đâu có gì là muộn màng, phải không? Có còn hơn không, có còn hơn không, như câu hát trong một bài hát quen thuộc của ông. Bây giờ thì ông không còn phải chờ đợi thêm nữa.

“Việt Nam, Việt Nam” từng là một trong những bài hát cộng đồng khá phổ biến trên môi tuổi trẻ, sinh viên, học sinh ở miền Nam tự do một thời nào. Bài hát vang lên trong những sân trường, lớp học, trong những đêm không ngủ, trong những ngày lên đường, xuống đường rục rủa đấu tranh. Mọi người vừa hát vừa vỗ tay rất nhịp nhàng, rất khí thế, rất sôi nổi. Bài hát ấy, nhiều năm sau lại vang lên bên huyết mộ người nhạc sĩ một ngày cuối đông. Người ta đã hát cho ông nghe bài hát bao năm ông hằng chờ đợi, bài hát ông gửi vào những tâm huyết, tâm nguyện, tâm tình. Ông còn mong gì hơn nữa!

Việt Nam, hai câu nói trên vành nôi. Tôi nhớ, ngày trước có lần tôi hỏi nhạc sĩ Phạm Duy, “Trên vành nôi, hay bên vành nôi?” Ông nói, “Trên vành nôi”. Thực sự, “trên” hay “bên”, ý nào cũng hay. Chỉ có điều, cả ông và tôi đều không ngờ được rằng, ngày hôm ấy, trong nghĩa trang mênh mông ấy, câu hát ấy đã hóa thành “Việt Nam, hai câu nói trên... chiếc áo quan” của tác giả bài hát.

Hát “Việt Nam, Việt Nam” là hát về những giấc mơ, những khát vọng của người dân Việt tội tình. Giấc mơ “Việt Nam, Việt Nam”, giấc mơ của Phạm Duy, giấc mơ của tuổi trẻ ngày ấy, của tuổi trẻ hôm nay, của người Việt khắp nơi khắp chốn, giấc mơ ấy vẫn còn... xa vời vợi.

“Việt Nam, Việt Nam”, sau năm mươi năm, bài hát vẫn còn là giấc mơ.

“Việt Nam, Việt Nam”, chung khúc ấy là viễn mơ.

Bài chung khúc ông viết cho Mẹ Việt Nam, cho dân Việt Nam và cho tâm nguyện của riêng ông cách nay nửa thế kỷ, chung cục trở thành “Bài hát tiễn đưa” ông về lòng Đất Mẹ, như là những gì thuộc về ông nay chính thức trả về ông, cho ông mang theo làm hành trang của Những gì sẽ đem theo về cõi chết.

Nhạc sĩ Phạm Duy, trong bài trả lời phỏng vấn của đài RFA (23/6/2012), gọi là “Những bực bạch cuối đời”, đã không giấu nổi chua xót trong lòng mình: “Các anh yêu tôi thì nói là tôi có sự nghiệp hơi lớn một tí đấy, nhưng mà riêng tôi, cho đến giờ phút này, tôi thấy là tôi hoàn toàn thất bại. Bởi vì đất nước đã thống nhất rồi mà lòng người thì không thống nhất, thành thử nếu tôi có chết đi thì gần như là tôi không có được thỏa mãn.” Trả lời câu hỏi “Tại sao?” ông nói, “Giản dị lắm, các anh muốn biết tại sao như vậy thì các anh phải hỏi thẳng chính quyền ấy.”

Ngày ông nằm xuống, người Việt vẫn chưa đi đến được một “chung khúc”.

“Việt Nam, Việt Nam”, bài hát ông viết ra từ thời chiến như gửi đi một thông điệp của thương yêu và hòa giải, của thống nhất đất nước và thống nhất lòng người. Thông điệp ấy đến nay người ta vẫn chưa sẵn sàng đón nhận.

Nếu có “thống nhất” được với nhau điểm nào thì chỉ là cả “hai phía” đều gọi ông là “cây đại thụ” của làng nhạc Việt. Sau ngày cây đại thụ ấy bật gốc, cả hai phía ấy và cả những người yêu ông và ghét ông đều nói rằng đến cả trăm năm nữa cũng khó mà có được một tài năng âm nhạc nào như ông.

Người ta vẫn hay gọi một văn nghệ sĩ tên tuổi là “tác giả”, theo sau là tên tác phẩm phổ biến nhất và được yêu chuộng nhất. Cách gọi ấy gọi được cả “tác giả và tác phẩm”.

Phạm Duy, tôi chắc nhiều người sẽ gọi ông là “Tác giả Việt Nam, Việt Nam”.

Lê Hữu

Những chữ in nghiêng là tên bài hát và những câu hát của Phạm Duy

- Chung khúc “Việt Nam, Việt Nam”, Phạm Duy

Ban hợp xướng Ngàn Khơi (hòa âm Lê Văn Khoa, nhạc trưởng Trần Chúc):

<http://www.youtube.com/watch?v=kVeFaxRRFVM&feature>

<https://www.youtube.com/watch?v=kAXVgbgQtGg>

Cái Chết Trong Ca Khúc Phạm Duy

Phạm Xuân Đài

Trong buổi lễ tưởng niệm Đỗ Ngọc Yến vào tối ngày 23 tháng Tám 2006 tại phòng sinh hoạt Lê Đình Diểu, Bích Liên với giọng cao vút trong phong cách opéra, đã hát những lời này:

1.

Hồn xuân vừa tàn hơi

Hay nắng ấm lung linh qua đời

*Hay gió tuyết mưa sa bay ngang trời
Người yêu dù xa xôi
Xin nhớ tới quê hương u hoài
Trong giá rét đêm đông đang trông vời*

*Một lần người đưa tiễn nhau
Như vẫn câu lời hứa năm nào
Đằm thắm cho vui lòng nhau
Một lần người xa cách nhau
Trái tim sâu còn vẫn tươi màu
Vì đó... không ai quên đâu...*

2.

*Người đi về mai sau
Nghe khóc lóc xe tang đưa sầu
Nghe bóng xế khăn xô bay ngang đầu
Người đi vào không gian
Nghe nhớ tiếc đau thương vô vàn
Nghe tiếng hát êm êm ru linh hồn*

*Người về dần trong cõi mơ
Như lúc nào vừa mới ra đời
Chào đón xuân tươi ngày mới
Cuộc đời từ trong chiếc nôi
Đã quay về cùng với gió bụi
Về chốn không tên, xa xôi... **

Bài hát nói về cái chết, Phạm Duy dựa vào điệu nhạc Chanson de Solvejg viết lời lâu rồi, đã trên nửa thế kỷ, ít người biết, nhưng chạm sâu xa đến một vùng mà không mấy người có khả năng nói tới. Phạm Duy là một nhạc sĩ hiếm hoi nhiều lần nói về cái chết, và Khúc Ca Ly Biệt trên đây là bài hát hoàn toàn về sự biệt ly của chết chóc, một cách toàn diện, trong không gian, trong thời gian, trong thân phận kẻ lìa trần cũng như trong lòng người ở lại.



Phạm Duy là một nhạc sĩ sáng tác mãnh liệt về khắp các mặt của cuộc đời, nhưng lại luôn luôn nhắc đến cái chết, tuồng như ông thấy chết cũng là một hình thái biểu hiện sự sống. Ngay từ khi còn rất trẻ, trong khi say sưa viết lên cái khí thế bùng bùng đánh quân ngoại xâm giữa thời điểm 1945, ông cũng đã mường tượng đến sự chết rồi. Ông vừa viết xong bài *Xuất Quân* lẫn liệt Ngày bao hùng binh tiến lên thì đã nghĩ ngay đến hình ảnh ma quái của những *Chiến Sĩ Vô Danh*

Mờ trong bóng chiều
Một đoàn quân thấp thoáng

Quân này là quân ma, họ đã ra đi chiến đấu và đã ra người thiên cổ, ông dùng ngay hình ảnh ấy để lay động lòng người đang đứng trước cuộc chiến giữ nước

Ra biên khu trong một chiều sương âm u
Âm thầm chen khói mù
Bao oan khiên đang về đây hủ với gió
Là hồn người Nam nhớ thù.

Một thanh niên đang ở độ tuổi ngoài hai mươi, mang bầu máu nóng phụng sự cho đất nước mà đã sớm nhìn ra những hình ảnh của “cõi bên kia” như thế thì cũng là chuyện lạ. Bài *Nợ Máu Xương* lại càng lạ hơn nữa, vừa hiện thực vừa siêu thực, tả toàn cảnh chết chóc vì chém giết

Ai nghe không sa trường lên tiếng hú?
Tiếng làm than, những tiếng người đời quên.
Đi lang thang tiếng cười vang tiếng hú
Xác không đâu nào kia?

Nghe phảng phất như Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du! Phải chăng linh cảm mãnh liệt của một nghệ sĩ lớn đã khiến Phạm Duy nhìn thấy trước cảnh chiến tranh tàn phá kinh hoàng trên đất nước Việt Nam suốt ba mươi năm sắp tới, dù thời điểm viết *Nợ Xương Máu* là vào năm 1946, trước khi toàn quốc kháng chiến với Pháp. Ông đã dùng những hình ảnh cổ điển của thi ca thời đó để vẽ nên sự chết chóc, nhưng bản chất của tấn thảm kịch chiến tranh thì thời nào cũng thế

Lá rụng rơi
Đoàn quân tiến qua làng.
Từng thanh kiếm đứt ngang,
Từng lớp áo rách mướp,
Từng cánh tay rụng rời!
Qua làn mây trắng
Đoàn quân tiến về trời
Âm rung tiếng sa trường...

Tiếng âm rung chết chóc đó còn vang mãi trong lòng người không biết bao nhiêu thế hệ nữa khi họ có dịp ôn lại những trang sử xưa, không phải những trang chính sử ghi lại một cách vô cảm các biến cố, mà là những trang sử như của Phạm Duy viết khi “đoàn quân tiến qua làng” với những chiếc áo rách mướp, những thanh kiếm gãy ngang, những cánh tay không còn nguyên vẹn... và nói rõ họ đang “tiến về trời.” Lịch sử một dân tộc không thể không ghi những trang như thế, cũng như mấy năm về sau

khi sáng tác ông đã đóng vai một ký giả chiến tranh tả thực cái cảnh dã man rùng rợn “quân thù đã bắt được con đem ra giữa chợ cắt đầu” từ một thảm cảnh của làng Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Hoặc một cách gián tiếp, chỉ dùng một số hình ảnh ước lệ, nhưng hiệu quả gợi cảm thương về sự chết chóc vẫn lớn:

Người đi không về
Chắc rằng có người nhớ
Hương khói chiều hồn
Hiu hắt những chiều trận vong.
(Đường Ra Biên Ái)

Một số năm về sau ông rời khỏi các ám ảnh chiến tranh, đề tài sáng tác càng phong phú, nhưng cái chết vẫn không rời ông. Ông đã viết về việc sáng tác của ông vào khoảng đầu thập niên 1960: “Đối với tôi chỉ có ba điều quan trọng: Tình Yêu, Sự Đau Khổ và Cái Chết.” Nhưng cái chết vào thời điểm này đã được trừu tượng hóa thành một loại tư tưởng, không còn cụ thể có khi đầy ghê rợn như trong thời kháng chiến Pháp.

Như về bài Đường Chiều Lá Rụng, tác giả đã tâm sự như thế này: “Lúc này tôi đang yêu đời lắm, nhưng tôi vẫn nói tới cái chết, chẳng hạn, qua những kiếp lá trong đường chiều. Lá đang như những chiếc thuyền rung rinh trong ngọn gió, bỗng nghe đất gọi về, lá rơi xuống đất để trở thành những ngôi mộ úa trên con đường chiều, nơi đó có tôi và người yêu đang đi trong cuộc tình.”

Lá vàng bay! Lá vàng bay!
Như dĩ vãng gầy, tóc buông dài, bước ra khỏi tình phai
Lá vàng rơi! Lá vàng rơi!
Như chút hơi người già ơn đời trên nẻo đường hấp hối!

Khi một người lên tiếng Tạ Ôn Đài thì tâm hồn hẳn đầy sung sướng vì những gì đời đã cho mình. Quả thế, tác giả ca ngợi “bao nhiêu là thương mến, bao nhiêu là quyến luyến,” rồi “tay hái biết bao niềm yêu,” và “đời vẫn cho ta ngọt bùi”... nhưng cuối cùng vẫn không quên cái chết đang chờ ở cuối đường

Mang ơn đời nâng đỡ
Dâng nắm mồ thô sơ
Với dâng hương hồn thương nhớ
Còn vấn vương trong chiều tà.

Bài Một Bàn Tay là một bài hát triết lý, qua hình ảnh bàn tay mà thấy ra toàn diện cuộc đời, từ bàn tay bà mẹ “đưa anh ra khỏi lòng người” đến bàn tay làm lụng, bàn tay yêu đương..., nhưng cuối cùng, cũng sẽ bàn tay ấy làm động tác giúp kết thúc một đời người

Một mai đưa anh thăm thăm lìa đời
Mùa đông khăn tang mây bỏ đường dài
Bàn tay thương nhớ, ôi gặp anh băng giá
Lạ lòng, tay khép làn mi.

Suốt cuộc đời sáng tác của mình, kể cả khi còn rất trẻ, Phạm Duy không bao giờ quên cái chết, và ông diễn tả nó một cách tài tình, khiến ta khi hát lên cảm thấy như vừa chạm vào cái cõi bi thương đáng sợ ấy. Thật ra ông không đi sâu vào chính cái chết như Tolstoi tả phút hấp hối của André trong Chiến Tranh và Hòa Bình, ông chỉ nói về tình huống bề ngoài, nhưng cách nói nghệ thuật của ông khơi dậy gần như đầy đủ “kinh nghiệm chết” hình như vẫn luôn luôn có sẵn trong mỗi chúng ta.

Đó có thể là kinh nghiệm tử biệt sinh ly về cái chết của bao người khác ta hằng chứng kiến, nhưng cũng rất có thể là của chính ta, lưu trữ bằng một cách nào đó sâu trong tâm thức sau hàng vô số kiếp luân quần trong vòng tử sinh. Đôi khi ta vẫn có cảm tưởng “nhớ” lại một cái gì đó không hề được kinh nghiệm trong đời này.

Tương truyền bản nhạc *Sombre Dimanche* (Chủ nhật buồn) là một bản nhạc gây chết chóc, vì không hiểu sao nhiều người nghe nó đã tự tử. Quả là thỉnh thoảng vẫn có những tác phẩm mang cái ma lực kỳ dị như vậy. Bản nhạc ấy vào tay Phạm Duy đã mang lời Việt Nam như sau:

Chủ nhật nào tôi im hơi
Vì đợi chờ không nguôi ngoai
Bước chân người nhớ thương tôi
Đến với tôi thì muộn rôi
Trước quan tài khói hương mờ bốc lên như vạn nghìn lời
Dấu qua đời mắt tôi cười vẫn đăm đăm nhìn về người
Hồn lìa rồi nhưng em ơi tình còn nồng đôi con người
Nhắc cho ai biết cuối đời có một người yêu không thôi
Ơi hỡi... ơi... người!...
(Chủ Nhật Buồn)

Đó là luyến tiếc, vương váu, là không siêu thoát, phải không?

Khi chúng ta còn nhỏ, sự chết đối với chúng ta là chuyện... của người lớn. Khi vào đời ở tuổi thanh niên thì đó là chuyện của... người già. Chính mình thì chối hết. Nhưng khi bắt đầu vào tuổi già thì như một khả năng tự nhiên, càng ngày ta càng cảm nhận được trong thân tâm mình cái “khả năng chết” một rõ hơn, mãi đến một lúc, hết chối nữa, đành nhận nó là của mình. Nó dần dà, tự nhiên biến thành một phần của sự sống.

Phạm Duy là một người hiếm hoi “biết” cái chết, “sống” với cái chết ngay từ tuổi thanh niên. Tại sao? Để làm gì? Trong nhân loại, thỉnh thoảng nảy ra một người có khả năng trình bày hộ cho mọi người khác ý nghĩa toàn bộ cuộc nhân sinh mà thông thường người phàm mắt thịt chỉ thấy rất ngắn, toàn là chuyện eo sèo trước mắt. Chứ sao, phải nói về cái chết chứ, làm sao có sự sống nếu không có sự chết? Cái chết chờ bên đầu kia cuộc đời mỗi người, nào có xa xôi gì, trong chớp mắt của thời gian đã tới nơi, để bắt đầu một chuyển hóa mới, một cuộc du hành mới

Người là ai? Từ đâu tới?
và người ơi, người sẽ bước chân về nơi nao?
Người vì sao mà chớm nở?
rồi sớm tối cánh hoa tươi tươi bời theo với những lá úa?

Người là chi? là con gió? là giọt mưa?
là cát trắng hay bụi xanh lơ?
Người từ xưa, thuyền theo lái về bến cũ?
Người lên xe đi từ hư vô qua hư vô?
(Xuân Hành)

Một loạt câu hỏi từ muôn đời của loài người nhưng không bao giờ cũ, vì ngày nào con người không còn biết đặt ra những câu hỏi như thế về thân phận mình thì cũng có nghĩa là đã dừng lại trên con đường hoàn thiện chính mình.

Chết là cái mà không ai có kinh nghiệm, nhưng không phải vì thế mà người ta hoàn toàn không thể viết gì về cái chết. Đang sống mà “chuyển sang từ trần” là một sự bí nhiệm, từ ngàn xưa con người vẫn suy nghiệm, vẫn cảm xúc đau đớn và vẫn... thờ phượng cái chết.

Đặc biệt các tôn giáo và các tín ngưỡng lo săn sóc đến cái chết một cách kỹ lưỡng nhất, vì biết rõ đó không phải là một cái gì có thể đối xử một cách bình thường theo cung cách cuộc sống trần thế. Trước sự chết, con người bàng hoàng và sợ hãi, phải tìm mọi cách trấn an nỗi sợ.

Đông hay Tây đều đặt ra sự tự kỷ cho mình về một cõi sau khi chết: sinh ký tử quy, sống gửi thác về, về với ông bà, về ngôi nhà Cha, về miền Cực lạc... có dẫn dụ mình rằng cuộc sống trần thế này tuy ai cũng tưởng là quan trọng cần hết sức bám víu lấy, nhưng thực chất chỉ là cái rất phụ, chỉ là một sân khấu tạm bợ để múa may trong một thời gian thoáng qua, rồi sau đó thì “về” với cái đích thực.

Lời hứa hẹn và giải thích thì rất nhiều, người ta nghe theo lời này hay lời kia, hoặc chẳng nghe lời nào cả, là tùy khuynh hướng và căn cơ của mỗi người, nhưng nhìn chung mọi tín ngưỡng đều nhằm khuyên làm tốt khi sống để được an ổn khi chết, làm như cả cuộc đời chỉ là một chuỗi dài chuẩn bị cho cái giây phút không còn cuộc đời nữa. Thế mới biết cái chết nó ám ảnh con người đến thế nào. Ám ảnh đến gần như biến thành một mục tiêu của sự sống.

Riêng Phạm Duy chấp nhận hết trong sáng tác của mình: Tình Yêu, Khổ Đau và Cái Chết. Đó là thái độ của một nghệ sĩ lớn, sống tận cùng từng phút giây của cuộc nhân sinh. Và, nghe như có vẻ mâu thuẫn, cũng “sống” tận cùng với phút giây không còn sự sống nữa, là lúc Cõi Chết bắt đầu.

(2006)

* *Viết thêm* :

Trước khi Phạm Duy mất một thời gian không dài lắm, anh có gửi cho tôi một email cho hay anh sửa một ít lời trong bài Khúc Ca Ly Biệt (lời Việt cho Chanson de Solvejg của Grieg).

Ở phân đoạn 1

Người yêu dù xa xôi

Xin nhớ tới quê hương u hoài

Trong gió rét đêm đông đang trông vời